

Bản tin pháp lý

Tháng 7/2020

Nội dung

Luật Lao động	2
Luật Sở hữu Trí tuệ	11
Các lĩnh vực khác:	15
Tài chính - Ngân hàng.....	15
Kiểm toán.....	15
Thương mại.....	15
Lao động.....	16
Y tế.....	16
Giáo dục.....	17
Giao thông vận tải.....	17
Xây dựng.....	17
Tài nguyên - Môi trường.....	18
Năng lượng.....	18
Thông tin - Truyền thông.....	19
Hành chính - Tư pháp.....	19
Cư trú - Xuất nhập cảnh.....	20
Nông - Lâm - Ngư nghiệp.....	20
Văn bản khác.....	21
Địa chỉ liên hệ	22

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2020. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật Lao động

Những điểm mới đáng chú ý của Bộ luật Lao động 2019

Ngày 20/11/2019, Quốc hội Khóa XIV đã thông qua Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 (“Bộ luật Lao động 2019”) quy định về tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động. Bộ luật Lao động mới sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 và thay thế Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 hiện hành được Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012 (“Bộ luật Lao động 2012”).

Sau đây chúng tôi xin tóm tắt những quy định mới đáng chú ý nhất của Bộ luật Lao động 2019 so với Bộ luật Lao động 2012:

1. Không còn hợp đồng lao động thời vụ

Bộ luật Lao động 2019 có thay đổi về Loại hợp đồng lao động và cụ thể là cắt bỏ loại nội dung về hợp đồng mùa vụ hoặc theo một công việc có thời hạn dưới 12 tháng

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 22. Loại hợp đồng lao động</p> <p>1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.</p> <p>b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn; Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.</p>	<p>Điều 20. Loại hợp đồng lao động</p> <p>1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;</p> <p>b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.</p>

c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.	
--	--

2. Chỉ được giao kết hợp đồng lao động (HDLĐ) bằng lời nói với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
Giao kết HDLĐ bằng lời nói áp dụng đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng.	Áp dụng đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng, trừ 1 số trường hợp bắt buộc ký hợp đồng bằng văn bản tại Khoản 2 Điều 18, Điểm a Khoản 1 Điều 145, Khoản 1 Điều 162 Bộ Luật lao động 2019.

3. Tăng tuổi nghỉ hưu lên 62 tuổi với nam, 60 tuổi với nữ

Kể từ ngày 01/01/2021, tuổi nghỉ hưu của NLD sẽ được quy định như sau:

- Đối với điều kiện lao động bình thường, kể từ năm 2021 tuổi nghỉ hưu của lao động nam là đủ 60 tuổi 3 tháng và của lao động nữ là đủ 55 tuổi 4 tháng (hiện hành tuổi nghỉ hưu của lao động nam là đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi);
- Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng đối với lao động nam và 4 tháng đối với lao động nữ; đến năm 2028 lao động nam nghỉ hưu khi đủ 62 tuổi và đến năm 2035, lao động nữ nghỉ hưu khi đủ 60 tuổi.

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 187. Tuổi nghỉ hưu</p> <p>1. Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.</p> <p>2. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thuộc danh mục do Chính phủ quy định có thể nghỉ</p>	<p>Điều 169. Tuổi nghỉ hưu</p> <p>1. Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu.</p> <p>2. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều</p>

<p>hưu ở tuổi thấp hơn so với quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, người lao động làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc biệt khác có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với quy định tại Khoản 1 Điều này.</p>	<p>kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.</p> <p>3. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>
---	--

4. Tăng ngày nghỉ lễ Quốc khánh lên 2 ngày

Từ năm 2021, người lao động được nghỉ 2 ngày dịp Quốc khánh:

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 115. Nghỉ lễ, Tết</p> <p>1. Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, Tết sau đây:</p> <p>a) Tết Dương lịch 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch);</p> <p>b) Tết Âm lịch 05 ngày;</p> <p>c) Ngày Chiến thắng 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch);</p> <p>d) Ngày Quốc tế lao động 01</p>	<p>Điều 112. Nghỉ lễ, Tết</p> <p>1. Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, Tết sau đây:</p> <p>a) Tết Dương lịch: 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch);</p> <p>b) Tết Âm lịch: 05 ngày;</p> <p>c) Ngày Chiến thắng: 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch);</p>

ngày (ngày 01 tháng 5 dương lịch); e) Ngày Quốc khánh 01 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch); f) Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch).	d) Ngày Quốc tế lao động: 01 ngày (ngày 01 tháng 5 dương lịch); e) Quốc khánh: 02 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch và 01 ngày liền kề trước hoặc sau); f) Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương: 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch).
Tổng được nghỉ 10 ngày	Tổng được nghỉ 11 ngày

5. Thêm trường hợp người lao động nghỉ việc riêng vẫn hưởng nguyên lương

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 116. Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương</p> <p>1. Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương trong những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kết hôn: nghỉ 03 ngày; b) Con kết hôn: nghỉ 01 ngày; c) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng chết; vợ chết hoặc chồng chết; con chết: nghỉ 03 ngày. 	<p>Điều 115. Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương</p> <p>1. Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kết hôn: nghỉ 03 ngày; b) Con đẻ, con nuôi kết hôn: nghỉ 01 ngày; c) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết: nghỉ 03 ngày.

Như vậy, so với quy định hiện hành, Bộ luật Lao động mới bổ sung thêm trường hợp cha nuôi, mẹ nuôi; cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng chết thì người lao động được nghỉ 03 ngày.

Đồng thời, Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định rõ hơn trường hợp "con đẻ", "con nuôi" kết hôn thì được nghỉ 01 ngày; "con đẻ", "con nuôi" chết thì được nghỉ 03 ngày (Bộ luật Lao động 2012 hiện hành chỉ quy định "con" kết hôn thì nghỉ 01 ngày, "con" chết thì nghỉ 03 ngày).

6. Cho phép người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước trong một số trường hợp

Điều 35 Bộ luật Lao động 2019 cho phép người lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng không cần lý do mà chỉ cần báo trước 30 ngày với hợp đồng xác định thời hạn và 45 ngày với hợp đồng không xác định thời hạn.

Thậm chí, trong một số trường hợp, người lao động còn được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước, như:

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận;
- Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn;
- Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;
- Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc;
- Đủ tuổi nghỉ hưu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

Đồng thời, người lao động cũng được quyền yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp bản sao các tài liệu liên quan đến quá trình làm việc của mình khi chấm dứt hợp đồng lao động; các chi phí của việc cung cấp do người sử dụng lao động chi trả...

7. Có thể ủy quyền cho người khác nhận lương

Theo Điều 94. *Nguyên tắc trả lương* của Bộ luật Lao động 2019 thì:

“Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp”.

Trước đó nội dung này không được quy định tại Bộ luật Lao động 2012. Việc cho phép người lao động ủy quyền cho người khác nhận lương được cho là hợp lý, nhất là trong trường hợp người lao động bị ốm đau, tai nạn không thể trực tiếp nhận lương...

8. Cấm ép người lao động dùng lương để mua hàng hóa, dịch vụ của công ty

Cũng tại Điều 94. *Nguyên tắc trả lương* của Bộ luật Lao động 2019 thì

“2. Người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động; không được ép buộc người lao động chi tiêu lương vào việc mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.”

9. Nếu trả lương qua ngân hàng, người sử dụng lao động phải trả phí mở tài

khoản

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 94. Hình thức trả lương</p> <p>1. Người sử dụng lao động có quyền lựa chọn hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán. Hình thức trả lương đã chọn phải được duy trì trong một thời gian nhất định; trường hợp thay đổi hình thức trả lương, thì người sử dụng lao động phải thông báo cho người lao động biết trước ít nhất 10 ngày.</p> <p>2. Lương được trả bằng tiền mặt hoặc trả qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng. Trường hợp trả qua tài khoản ngân hàng, thì người sử dụng lao động phải thỏa thuận với người lao động về các loại phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản.</p>	<p>Điều 96. Hình thức trả lương</p> <p>1. Người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận về hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán.</p> <p>2. Lương được trả bằng tiền mặt hoặc trả qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng. Trường hợp trả lương qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng thì người sử dụng lao động phải trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.</p>

10. Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào tiền lương của doanh nghiệp

Điều 93 Bộ luật Lao động 2019 quy định, doanh nghiệp được chủ động trong việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động trên cơ sở thương lượng, thỏa thuận với người lao động.

Tiền lương trả cho người lao động là số tiền để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Mức lương theo công việc hoặc chức danh không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

11. Người lao động có thể được "thưởng" không chỉ bằng tiền

Bộ luật Lao động 2019 quy định về "Thưởng" thay vì "Tiền thưởng" như Bộ luật cũ. Theo đó khái niệm thưởng cho người lao động cũng được mở rộng ra, có thể là tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 103. Tiền thưởng</p> <p>1. Tiền thưởng là khoản tiền mà</p>	<p>Điều 104. Thưởng</p> <p>1. Thưởng là số tiền hoặc tài sản</p>

<p>người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm và mức độ hoàn thành công việc của người lao động.</p>	<p>hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.</p>
--	---

12. Khi trả lương, doanh nghiệp phải gửi bảng kê chi tiết cho người lao động

Nhằm minh bạch tiền lương của người lao động, Bộ luật Lao động 2019 yêu cầu tại Điều 95. *Trả lương:*

“3. Mỗi lần trả lương, người sử dụng lao động phải thông báo bảng kê trả lương cho người lao động, trong đó ghi rõ tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có)”. (Bộ luật Lao động 2012 hiện hành chỉ quy định tại Điều 101. *Khấu trừ tiền lương:*

“2. Người lao động có quyền được biết lý do khấu trừ tiền lương của mình.”)

13. Tăng thời giờ làm thêm theo tháng lên 40 giờ

Về thời giờ làm việc bình thường, Bộ luật Lao động mới vẫn giữ nguyên như hiện hành là “không quá 08 giờ trong một ngày và 48 giờ trong một tuần”.

Điều khác biệt duy nhất về thời gian làm thêm giờ quy định tại Bộ luật Lao động 2019 với Bộ luật Lao động 2012 ở điểm sau:

Số giờ làm thêm trong tháng tăng lên 40 giờ thay vì 30 giờ và các trường hợp được làm thêm tới 300 giờ/năm được quy định cụ thể hơn, bao gồm: Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản; Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước; v.v.

14. Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc

Thay vì tổ chức định kỳ 03 tháng/lần như hiện nay thì Khoản 1 Điều 63 Bộ luật Lao động 2019 đã nâng thời gian tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc lên 1 năm/ lần; đồng thời, bổ sung thêm một số trường hợp người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại như vì lý do kinh tế mà nhiều người lao động có nguy cơ mất việc làm, phải thôi việc; khi xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động...

15. Được ký hợp đồng xác định thời hạn nhiều lần với người cao tuổi

Thông thường, người cao tuổi thường là những người có nhiều năm làm việc với nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là những công việc yêu cầu trình độ cao.

Do đó, để phát huy giá trị của người cao tuổi, Điều 149 Bộ luật Lao động 2019 cho phép người sử dụng lao động thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn với người cao tuổi thay vì kéo dài thời hạn hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng lao động mới như trước đây.

16. Ghi nhận hình thức hợp đồng lao động điện tử

Xuất phát từ thực tiễn, với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc giao kết hợp đồng lao động không đơn thuần chỉ bằng văn bản, lời nói hay hành vi. Chính vì vậy, Điều 14 Bộ luật Lao động 2019 đã ghi nhận thêm hình thức giao kết hợp đồng lao động thông qua phương tiện điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản.

Ngoài ra, với những trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì vẫn được coi là hợp đồng lao động.

17. Về hợp đồng lao động thử việc

- Cho phép thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động;
- Bổ sung quy định thời gian thử việc đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

Theo Bộ luật Lao động 2012	Theo Bộ luật Lao động 2019
<p>Điều 26. Thử việc</p> <p>1. Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận về việc làm thử, quyền, nghĩa vụ của hai bên trong thời gian thử việc. Nếu có thỏa thuận về việc làm thử thì các bên có thể giao kết hợp đồng thử việc.</p> <p>Nội dung của hợp đồng thử việc gồm các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 23 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động mùa vụ thì không phải thử việc.</p> <p>Điều 27. Thời gian thử việc</p> <p>Thời gian thử việc căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc 01 lần đối với</p>	<p>Điều 24. Thử việc</p> <p>1. Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận về thử việc bằng việc giao kết hợp đồng thử việc.</p> <p>2. Nội dung chủ yếu của hợp đồng thử việc gồm thời gian thử việc và nội dung quy định tại các điểm a, b, c, đ, g và h khoản 1 Điều 21 của Bộ luật này.</p> <p>3. Không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.</p> <p>Điều 25. Thời gian thử việc</p> <p>Thời gian thử việc do hai bên thỏa</p>

<p>một công việc và bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;2. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ.3. Không quá 6 ngày làm việc đối với công việc khác.	<p>thuận căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc một lần đối với một công việc và bảo đảm điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;2. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;3. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ;4. Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác.
---	--

Luật Sở hữu Trí tuệ

Các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ được áp dụng tạm thời tại Việt Nam sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực

Hiệp định EVFTA được Hội đồng châu Âu và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 30/03/2020 và 08/06/2020 một cách tương ứng. Theo đó, hiệp định này chính thức có hiệu lực tại Việt Nam và châu Âu bắt đầu từ ngày 01/08/2020.

Một trong những lĩnh vực quan trọng nhất được đề cập đến trong hiệp định EVFTA là sở hữu trí tuệ (“SHTT”), được dành hẳn một chương riêng, là Chương 12, trong hiệp định. Về cơ bản, pháp luật SHTT hiện hành tại Việt Nam được coi là khá tương thích với hiệp định EVFTA, ngoại trừ một số nội dung cam kết cần được tăng cường để đổi lấy lợi ích trong các lĩnh vực khác. Theo Nghị quyết số 102/2020/QH14 (“Nghị quyết 102”) ngày 08/06/2020 của Quốc hội Việt Nam về việc phê chuẩn hiệp định EVFTA, bắt đầu từ ngày hiệp định này có hiệu lực, là ngày 01/08/2020, một số nội dung cam kết sẽ được áp dụng trực tiếp mà không cần sửa đổi Luật SHTT hiện hành (tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết 102), trong khi có một số quy định tạm thời (tại Phụ lục 3 kèm theo Nghị quyết 102) sẽ được áp dụng cho đến khi Luật SHTT được sửa đổi, bổ sung, dự kiến có hiệu lực thi hành vào năm 2022.

Dưới đây là các quy định về SHTT được nêu trong Nghị quyết 102.

Chỉ dẫn địa lý

Theo Nghị quyết 102 (Phụ lục 2, Mục 12), từ ngày 01/08/2020, các chỉ dẫn địa lý được nêu tại phần A, Phụ lục 12-A về danh sách các chỉ dẫn địa lý của Liên minh châu Âu sẽ được bảo hộ giống như các chỉ dẫn địa lý dùng cho rượu vang và rượu mạnh quy định tại Luật SHTT của Việt Nam.

Ngoài ra, như được nêu tại Nghị quyết 102 (Phụ lục 2, Mục 13), việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý Asiago, Fontina, Gorgonzola cho sản phẩm trong nhóm pho mát và Feta cho sản phẩm trong nhóm pho mát làm từ sữa cừu hoặc sữa cừu và sữa dê không ngăn cản những người đã sử dụng thực sự trong thương mại một cách lành mạnh các chỉ dẫn này trên lãnh thổ Việt Nam trước ngày 01/01/2017 cho các sản phẩm tương ứng tiếp tục sử dụng. Ngoài ra, những người đã sử dụng thực sự trong thương mại một cách lành mạnh trên lãnh thổ Việt Nam chỉ dẫn Champagne hay bán dịch, phiên tự hoặc phiên âm của chỉ dẫn này cho sản phẩm trong nhóm rượu vang được tiếp tục sử dụng chỉ dẫn đó trong vòng 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Nhãn hiệu

Theo Luật SHTT hiện hành của Việt Nam (Điều 95, khoản 1), văn bằng bảo hộ nhãn

hiệu bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây: (i) Chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí gia hạn hiệu lực theo quy định; (ii) Chủ văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ quyền đối với nhãn hiệu; (iii) Chủ văn bằng bảo hộ không còn tồn tại hoặc không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp; (iv) Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực; (v) Chủ văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể không kiểm soát hoặc kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể; (vi) Chủ văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận vi phạm quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hoặc không kiểm soát, kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Hiệp định EVFTA (Điều 12.22) yêu cầu rằng bất kỳ việc sử dụng nào đối với nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc với sự đồng ý của chủ sở hữu cho hàng hóa hoặc dịch vụ mà nhãn hiệu đó đã đăng ký có thể làm cho công chúng hiểu sai lệch, đặc biệt là về bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ cũng sẽ làm cho nhãn hiệu có khả năng bị chấm dứt hiệu lực hoặc bị cấm bởi luật quốc gia liên quan.

Do vậy, để tuân thủ yêu cầu nêu trên, Nghị quyết 102 (Phụ lục 3, Mục 1) quy định rằng từ ngày 01/08/2020 cho đến khi Luật SHTT được sửa đổi, văn bằng bảo hộ nhãn hiệu sẽ bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp bổ sung sau đây: nếu việc sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký bởi chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu cho phép làm cho công chúng hiểu sai lệch về bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đó. Yêu cầu chấm dứt hiệu lực dựa vào quy định bổ sung này có thể nộp tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn hiệu lực của nhãn hiệu đã được đăng ký.

Sáng chế

Luật SHTT và các quy định hiện hành tại Việt Nam không có điều khoản nào về việc bù đắp cho chủ bằng sáng chế nếu thời hạn khai thác sáng chế hữu hiệu bị rút ngắn do sự chậm trễ của cơ quan nhà nước.

Hiệp định EVFTA (Điều 12.40) yêu cầu phải có cơ chế thích hợp và hữu hiệu để bù đắp cho chủ bằng sáng chế khi bị rút ngắn thời gian khai thác sáng chế được bảo hộ do sự chậm trễ bất hợp lý trong thủ tục đăng ký được phẩm lần đầu. Chậm trễ bất hợp lý bao gồm ít nhất là trường hợp hơn 2 năm tính từ ngày nộp đơn mà cơ quan có thẩm quyền chưa có phản hồi lần đầu đối với đơn đăng ký lưu hành sản phẩm. Sự chậm trễ xảy ra trong thời gian cấp phép lưu hành sản phẩm do phía người nộp đơn, không thuộc kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền không được dùng để xác định sự chậm trễ theo nghĩa vụ này.

Về vấn đề này, Nghị quyết 102 (Phụ lục 3, Mục 3) quy định rằng từ ngày 01/08/2020 cho đến khi Luật SHTT được sửa đổi, các quy định tạm thời sau đây sẽ được áp dụng tại Việt Nam:

- 1. Khi thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực bằng độc quyền sáng chế, chủ bằng độc quyền sáng chế không phải nộp phí sử dụng văn bằng bảo hộ cho khoảng thời gian mà thủ tục đăng ký lưu hành lần đầu tại Việt Nam đối với được phẩm được sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế đó bị chậm.*
- 2. Thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm bị xem là chậm nếu kết thúc 24 tháng kể từ ngày nộp đơn mà cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm không đưa ra phán hồi lần đầu đối với đơn đăng ký lưu hành được phẩm mà không có lý do chính đáng. Khoảng thời gian bị chậm được tính từ ngày đầu tiên sau khi kết thúc 24 tháng tính từ ngày nộp đơn đăng ký lưu hành được phẩm đến khi cơ quan có thẩm quyền đưa ra phán hồi lần đầu.*
- 3. Trường hợp chủ bằng độc quyền sáng chế đã nộp phí sử dụng cho khoảng thời gian bị xem là chậm, số phí đã nộp sẽ được trừ vào kỳ duy trì hiệu lực tiếp theo hoặc hoàn trả.*
- 4. Để không phải nộp phí sử dụng văn bằng bảo hộ khi thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực quy định tại khoản 1 thì trong vòng 12 tháng kể từ ngày được phẩm được cấp phép lưu hành, chủ bằng độc quyền sáng chế phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm về việc thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm đó bị chậm.*

Kiểu dáng công nghiệp

Theo Luật SHTT hiện hành của Việt Nam (Điều 4.13), kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

Theo hiệp định EVFTA (Điều 12.35), kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm là bộ phận tháo rời được của sản phẩm hoàn chỉnh chỉ được xem là mới và độc đáo khi: (i) bộ phận đó khi lắp ráp vào sản phẩm hoàn chỉnh phải nhìn thấy được trong quá trình sử dụng thông thường; và (ii) các đặc điểm tạo dáng nhìn thấy được của bộ phận đó đáp ứng các yêu cầu về tính mới và tính độc đáo; trong đó, nhìn thấy được là nhìn thấy bởi người sử dụng cuối cùng sản phẩm, không bao gồm việc bảo trì, bảo dưỡng hoặc sửa chữa.

Về vấn đề này, Nghị quyết 102 (Phụ lục 3, Mục 2) quy định rằng từ ngày 01/08/2020 cho đến khi Luật SHTT được sửa đổi, định nghĩa tạm thời sau đây sẽ được áp dụng tại Việt Nam:

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh. Hình dáng bên ngoài được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm.

Định nghĩa mới này được coi là rõ ràng hơn so với định nghĩa cũ. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, chưa có sự thay đổi nào về các quy định liên quan đến việc đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại Việt Nam./.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính - Ngân hàng

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/07/2020 về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;
- Thông tư số 72/2020/TT-BTC ngày 31/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 84/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 68/2016/NĐ-CP;
- Thông tư 70/2020/TT-BTC ngày 17/07/2020 của Bộ Tài chính về kéo dài hiệu lực thi hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19;
- Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Kiểm toán

- Thông tư số 67/2020/TT-BTC ngày 10/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy chế mẫu kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp.

Thương mại

- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 23/07/2020 của Chính phủ về phê duyệt Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA);
- Quyết định số 1949/QĐ-BCT ngày 24/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về đính chính Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
- Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 17/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định về hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Việt Nam - Hoa Kỳ;
- Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/07/2020 của Bộ Tài chính công bố thủ tục

hành chính mới lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Lao động

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;
- Quyết định số 895/QĐ-LĐTBXH ngày 30/07/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;
- Quyết định số 893/QĐ-BHXH ngày 10/07/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về Quy chế quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung ngành Bảo hiểm xã hội;
- Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Y tế

- Quyết định số 3248/QĐ-BYT ngày 22/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 3133/QĐ-BYT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Tài liệu "Hướng dẫn chăm sóc và hỗ trợ y tế cho người bị xâm hại tình dục";
- Quyết định số 3130/QĐ-BYT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư tuyến tiền liệt";
- Quyết định số 3129/QĐ-BYT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư biểu mô tế bào gan";
- Quyết định số 3128/QĐ-BYT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư vú";
- Quyết định số 3127/QĐ-BYT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư dạ dày";
- Quyết định số 3088/QĐ-BYT ngày 16/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bộ Tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp;
- Quyết định số 3087/QĐ-BYT ngày 16/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị tiền đái tháo đường";

- Quyết định số 2957/QĐ-BYT ngày 10/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh bạch hầu;
- Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 06/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia;
- Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về nội dung trong đầu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;
- Thông tư số 64/2020/TT-BTC ngày 08/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế.

Giáo dục

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 hướng dẫn Luật Giáo dục;
- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

Giao thông vận tải

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 sửa đổi Nghị định số 171/2016/NĐ-CP về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 23/07/2020 của Chính phủ về phê duyệt "Hiệp định về vận chuyển hàng không thường lệ giữa Việt Nam - Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ";
- Quyết định số 1448/QĐ-BGTVT ngày 27/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải;
- Quyết định số 969/QĐ-TTg ngày 07/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực Giao thông Vận tải;
- Quyết định số 1303/QĐ-BGTVT ngày 06/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Thông tư số 15/2020/TT-BGTVT ngày 22/07/2020 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

Xây dựng

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 hướng dẫn Luật Kiến trúc;

- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về Nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 912/QĐ-BXD ngày 09/07/2020 của Bộ Xây dựng về thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Tài nguyên - Môi trường

- Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/07/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Tiêu mục 2 Mục I Biểu Thuế Bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 về Biểu Thuế Bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 1610/QĐ-BTNMT ngày 22/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước;
- Quyết định số 1605/QĐ-BTNMT ngày 21/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình nội bộ thực hiện liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường;
- Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1444/QĐ-BTNMT ngày 01/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong 06 tháng đầu năm 2020;
- Thông tư số 17/2020/TT-BCT ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo quản và hủy bỏ giếng khoan dầu khí.

Năng lượng

- Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17/07/2020 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho dự án điện mặt trời;
- Thông tư số 16/2020/TT-BCT ngày 07/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

sửa đổi Thông tư số 44/2015/TT-BCT quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho dự án điện sinh khối.

Thông tin - Truyền thông

- Quyết định số 1246/QĐ-BTTTT ngày 24/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ Tiêu chí về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống phần mềm hợp trực tuyến (Phiên bản 1.0);
- Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;
- Quyết định số 1168/QĐ-BTTTT ngày 10/07/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy trình tạm thời để thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường áp dụng cho các đơn vị của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thông tư số 16/2020/TT-BTTTT ngày 17/07/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông;
- Thông tư số 15/2020/TT-BTTTT ngày 09/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về pin lithium cho thiết bị cầm tay";
- Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT về hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;
- Thông tư số 13/2020/TT-BTTTT ngày 03/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình.

Hành chính - Tư pháp

- Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/07/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Quyết định số 264/QĐ-VKSTC ngày 21/07/2020 của Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao về Quy trình tạm thời Kiểm sát việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh của cơ quan có thẩm quyền điều tra; trực tiếp ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi

- cung bị can, lấy lời khai trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố;
- Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 15/07/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt về quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban Nhân dân quận, huyện Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Quyết định số 249/QĐ-VKSTC ngày 09/07/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao quy định về quy trình tiếp công dân trong ngành Kiểm sát nhân dân;
 - Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 07/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước thuộc Tòa án Nhân dân;
 - Quyết định số 960/QĐ-TTg ngày 07/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước lĩnh vực Nội vụ;
 - Thông tư số 03/2020/TT-BNV ngày 21/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ vị trí công tác của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức
 - Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 09/2014/TT-BNV hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.

Cư trú - Xuất nhập cảnh

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 quy định về quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công nghệ kiểm soát tự động;
- Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 hướng dẫn về đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành;
- Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 hướng dẫn Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi;
- Thông tư số 74/2020/TT-BCA ngày 01/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu.

Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/07/2020 sửa đổi Nghị định số

- 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 2624/QĐ-BNN-PC ngày 10/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tính đến hết ngày 31/5/2020;
 - Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
 - Thông tư số 09/2020/TT-BNNPTNT ngày 24/07/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn xác nhận thiên tai, dịch bệnh trong thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.

Văn bản khác

- Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/07/2020 sửa đổi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 31/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam;
- Quyết định số 2032/QĐ-BVHTTDL ngày 16/07/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Thông tư số 65/2020/TT-BTC ngày 09/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 302/2016/TT-BTC hướng dẫn về lệ phí môn bài.

Địa chỉ liên hệ

Văn phòng tại Hà Nội

Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Lưu Tiên Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Lê Quỳnh Anh

Giám đốc Công ty Luật

Nguyễn Nguyệt Dzung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội

49 Phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-3934 0629 / 3826 4797 - Fax: 84-24-3934 0631

E-mail: vision@vision-associates.com

Văn phòng tại TP. HCM

Lưu Tiên Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân

Giám đốc Văn phòng tại TP. HCM

Phòng 905, Tầng 9, CitiLight Tower

45 Đường Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-28-3823 6495 - Fax: 84-28-3823 6496

E-mail: hcmvision@vision-associates.com

www.vision-associates.com